

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/HNGĐ - ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2019
“V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chung
2. Ông Nguyễn Thái Hoà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường,
tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 135/2019/TLST -
HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn
theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7
năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Trần Đại K, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Đều cùng địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Ngày 20/02/2004, chị và anh Trần Đại K có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi cưới, chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh K. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K có mối quan hệ với người phụ nữ khác trong thời gian anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc từ năm 2010 đến năm 2014. Anh K cũng thừa nhận với chị về lỗi lầm trên, nhưng vì vẫn còn tình cảm vợ chồng và mong muốn cho nhau cơ hội để hàn gắn nên sau khi anh K về nước chị đã chấp nhận bỏ qua lỗi lầm của anh để vợ chồng tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, anh K vẫn không thay đổi, cải thiện cuộc sống vợ

chồng. Đến khoảng tháng 10/2018, chị tiếp tục phát hiện anh K có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Mặc dù anh K không thừa nhận nhưng tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn sự tin tưởng dành cho nhau. Tháng 4/2019, khi mâu thuẫn càng tăng, chị cảm thấy vợ chồng không thể chung sống được với nhau nên đã về nhà mẹ đẻ ở. Trước khi đi chị có nói với anh K nhưng anh cũng không có ý kiến gì, vợ chồng cũng không dàn xếp với nhau nên sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có ba con chung là cháu Trần Đức H, sinh ngày 31/10/2004; Trần Minh Đ, sinh ngày 20/12/2016 và Trần Tùng A, sinh ngày 23/6/2018. Hiện nay, cháu H và cháu Đ đang ở cùng anh K còn cháu Tùng A đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được nuôi cháu Đ và cháu Tùng A còn để anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hải, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đang làm công nhân ở công ty may Vina Korean Khai Quang – Vĩnh Yên, T nhập khoảng 5 triệu/tháng.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2019 và những lời khai tiếp theo, bị đơn anh Trần Đại K khai: Về quá trình kết hôn, chung sống đúng như chị T trình bày. Anh thừa nhận đời sống vợ chồng của anh chị có sự mâu thuẫn nhưng nguyên nhân không phải do anh có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, quan hệ đó chỉ thuần túy là quan hệ hợp tác làm ăn. Chị T không tin tưởng anh nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Chị T tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nhau đến nay (anh không còn nhớ chính xác về thời gian). Nay chị T xin ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 03 con chung đúng như chị T trình bày. Hiện nay, cháu H và cháu Đ đang ở cùng anh còn cháu Tùng A đang ở cùng chị T. Vì anh không đồng ý ly hôn nên anh không đề nghị giải quyết về con chung. Mặt khác, nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Toà án hoà giải để anh có thời gian suy nghĩ về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Trần Đại K nhưng anh K không hợp tác, không đến Toà làm việc. Tại phiên toà hôm nay, anh K vẫn vắng mặt không có lý do.

Toà án tiến hành xác minh tại địa phương là xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, nơi chị T và anh K kết hôn và chung sống. Đại diện chính quyền địa phương xác nhận quá trình kết hôn, chung sống của chị T và anh K đúng như

anh chị trình bày. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cụ thể như thế nào thì địa phương không biết. Địa phương được biết từ tháng 4/2019, chị T về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xin ly hôn với anh K, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh K có ba con chung đúng như anh chị trình bày. Hiện nay, cháu H và cháu Đ đang ở cùng anh K còn cháu Tùng A đang ở cùng chị T. Nếu anh chị ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị T, anh K có tài sản gì, nợ nần ai thì địa phương không biết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, T thập chứng cứ Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Đại K; Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Minh Đ và cháu Trần Tùng A còn anh K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đức H. Chị T và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn anh Trần Đại K và đề nghị phân chia nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là anh Trần Đại K lần thứ hai nhưng anh K vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K đăng ký kết hôn ngày 20/02/2004 tại UBND xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2004. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo

vệ. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hoà Tận, hạnh phúc, sau phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống, giữa anh K và chị T thiếu sự tin tưởng dành cho nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt, cuộc sống chung vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Tại phiên toà hôm nay, chị T khẳng định chị đã chấp nhận và tha thứ cho anh K nhiều lần để mong giữ gìn được hạnh phúc gia đình tuy nhiên anh K không thay đổi, khiến chị không còn niềm tin, tình cảm dành cho anh K nên vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh K không nhất trí với việc chị T xin ly hôn, anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn đoàn tụ. Tuy nhiên qua những buổi làm việc tại Toà án, mặc dù đã được giải thích và động viên để tìm hướng hoà giải giữa hai vợ chồng nhưng bản thân anh K không thực sự thể hiện thiện chí, nỗ lực hàn gắn. Anh đề nghị Toà án tiếp tục tiến hành hoà giải cho anh và chị T, song tại buổi hoà giải, đang làm việc giữa chừng thì anh tự ý bỏ về, không hợp tác hoà giải. Ngoài ra, tại các buổi hoà giải tiếp theo cũng như tại phiên toà hôm nay mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lí do. Điều đó chứng tỏ anh K không thực sự có mong muốn hàn gắn, không có quyết tâm đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, mâu Tẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Xét đề nghị của chị T và điều kiện, hoàn cảnh thực tế của chị T, anh K, cũng như nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, cháu Trần Đức Hải, sinh ngày 31/10/2004, đã 15 tuổi và cháu có nguyện vọng được ở với bố. Còn cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 20/12/2016 và Trần Tùng A, sinh ngày 23/6/2018, cả hai cháu chưa đủ 36 tháng tuổi. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi cho các cháu cũng như phù hợp với quy định pháp luật nên cần giao cháu Trần Minh Đ và Trần Tùng A cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng còn anh K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đức H. Chị T và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

[5]. Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị T, anh K không yêu cầu do vậy Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án

Xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Đại K.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 20/12/2016 và Trần Tùng A, sinh ngày 23/6/2018 còn anh Trần Đại K được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Đức H, sinh ngày 31/10/2004. Chị T và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002201 ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường; Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Viết Khang Nguyễn Văn Chung

Bùi Thị Đoan Trang

